TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1980; thường trú: 209 C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là B C, xã H, tỉnh An Giang), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Yến X, sinh năm 1983; thường trú: tổ A, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là tổ A, ấp N, xã T, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện nay: A, tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Yến X có thời gian tìm hiểu nhau một thời gian, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà X.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/4/2007. Hiện cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Thành T không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Yến X trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Yến X thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Thành T về việc chung sống, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Bà X cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/4/2007. Hiện cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Yến X không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Yến X là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2006, quyển số 01 ngày 10/4/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Yến X đều xác định sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của ông, bà không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T yêu cầu ly hôn với bà X là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/4/2007. Cháu T1 đã trưởng thành, ông T và bà X không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Yến X không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều: 9, 55, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Yến X.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Yến X (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2006, quyển số 01 do UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) cấp ngày 10/4/2006).

- Về con chung: 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/4/2007. Cháu T1 đã trưởng thành, ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Yến X không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Yến X không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thành T phải chịu số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002640 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông Nguyễn Thành T số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí còn lại.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy